

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ & XÂY DỰNG HD29
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ & XÂY DỰNG HD29

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HD29 INVESTMENT & CONSTRUCTION COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: HD29 INVESTMENT & CONSTRUCTION CO.,LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0110650628

3. Ngày thành lập: 15/03/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 139 thôn Thượng Hội, Xã Tân Hội, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0773992266

Fax:

Email: congtycnhhdaotuxaydunghd29@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết : - Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không phải hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí hoặc máy công nghiệp trong các công trình nhà và công trình kỹ thuật dân dụng, bao gồm cả bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống thiết bị này. - Lắp đặt hệ thống thiết bị trong công trình nhà và công trình xây dựng khác như: + Thang máy, thang cuốn, + Cửa cuốn, cửa tự động, + Dây dẫn chống sét, + Hệ thống hút bụi, + Hệ thống âm thanh, + Hệ thống cách âm, cách nhiệt, chống rung. - Thi công, lắp đặt hệ thống phòng cháy và chữa cháy	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330

4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết : - Hoạt động xây dựng chuyên biệt sử dụng trong tất cả các kết cấu công trình nhưng yêu cầu phải có kỹ năng riêng chuyên sâu hoặc phải có thiết bị chuyên môn hóa như: + Xây dựng nền móng, bao gồm cả ép cọc, + Các công việc về chống ẩm và chống thấm nước, + Chống ẩm các toà nhà, + Đào giếng (trong ngành khai thác mỏ), + Lắp dựng các kết cấu thép không thể sản xuất nguyên khối, + Uốn thép, + Xây gạch và đặt đá, + Lợp mái các công trình nhà để ở, + Lắp dựng và dỡ bỏ cốp pha, giàn giáo, loại trừ hoạt động thuê cốp pha, giàn giáo, + Lắp dựng ống khói và lò sấy công nghiệp, + Các công việc đòi hỏi chuyên môn cần thiết như kỹ năng trèo và sử dụng các thiết bị liên quan, ví dụ làm việc ở tầng cao trên các công trình cao. - Các công việc dưới bề mặt; - Xây dựng bể bơi ngoài trời; - Rửa bằng hơi nước, phun cát và các hoạt động tương tự cho mặt ngoài công trình nhà; - Thuê cần trục có người điều khiển	4390
5.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4511
6.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
7.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4513
8.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: - Đại lý hàng hóa - Môi giới hàng hóa (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4610
9.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: - Bán buôn hoa và cây - Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu khác, phế liệu, phế thải và sản phẩm phụ được sử dụng cho chăn nuôi động vật.	4620
10.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641

11.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh - Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự - Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm - Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao	4649
12.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
13.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
14.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
15.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) - Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày	4659
16.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
17.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại loại (trừ vàng nguyên liệu và vàng miếng)	4662
18.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: - Bán buôn gỗ cây, tre, nứa; - Bán buôn sản phẩm gỗ sơ chế; - Bán buôn sơn và véc ni; - Bán buôn cửa các loại - Bán buôn vật liệu xây dựng như: cát, sỏi; - Bán buôn giấy dán tường và phủ sàn; - Bán buôn kính phẳng; - Bán buôn đồ ngũ kim và khoá; - Bán buôn ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác; - Bán buôn bình đun nước nóng; - Bán buôn thiết bị vệ sinh như: Bồn tắm, chậu rửa, bệ xí, đồ sứ vệ sinh khác; - Bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh như: Ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su,...; - Bán buôn dụng cụ cầm tay: Búa, cưa, tua vít, dụng cụ cầm tay khác	4663

19.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn phân bón, Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp) Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh Bán buôn cao su Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại	4669
20.	Khai thác gỗ	0220
21.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0231
22.	Thu nhặt lâm sản khác trừ gỗ	0232
23.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
24.	Khai thác thủy sản nội địa	0312
25.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
26.	Khai thác và thu gom than cứng	0510
27.	Khai thác và thu gom than non	0520
28.	Khai thác dầu thô	0610
29.	Khai thác khí đốt tự nhiên	0620
30.	Khai thác quặng sắt	0710
31.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu hàng hóa công ty kinh doanh	8299
32.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810
33.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Dịch vụ môi giới bất động sản - Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản - Dịch vụ tư vấn bất động sản (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	6820
34.	Bán buôn tổng hợp (trừ loại nhà nước cấm)	4690
35.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt Chi tiết: - Khai thác quặng bôxít - Khai thác quặng nhôm, đồng, chì, kẽm, thiếc, mangan, krôm, niken, coban, molybden, tantali, vanadi.	0722
36.	Khai thác quặng kim loại quý hiếm	0730
37.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
38.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón	0891
39.	Khai thác và thu gom than bùn	0892

40.	Khai thác muối	0893
41.	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu	0899
42.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên	0910
43.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác	0990
44.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1391
45.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
46.	Sản xuất thảm, chăn, đệm	1393
47.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1394
48.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Sản xuất các sản phẩm tấm dệt khổ hẹp, bao gồm các tấm dệt sợi ngang không có sợi dọc được ghép với nhau thông qua chất kết dính, - Sản xuất nhãn hiệu, băng rôn... - Sản xuất đồ tía trang trí: vải viền, quả tua, - Sản xuất nỉ, - Sản xuất màn tuyn và các màn bằng vải khác, sản xuất viền đăng ten cuộn, đăng ten mảnh, dải hoặc mẫu ten rời để trang trí, - Sản xuất tấm dệt được tẩy, được phủ hoặc tráng nhựa, - Sản xuất sợi kim loại hoá hoặc dây thừng và dây cao su có lớp nguyên liệu dệt phủ ngoài, sợi dệt được tráng, phủ hoặc bọc bằng cao su hoặc nhựa, - Sản xuất vải bố làm lớp xe bằng sợi nhân tạo có độ bền cao, - Sản xuất các loại vải được tráng hoặc xử lý khác nhau như: quần áo đi săn, vải dùng cho họa sĩ, vải thô và các loại vải hồ cứng..., - Sản xuất các sản phẩm dệt khác: mạng đèn măng sông, - Sản xuất ống phun nước, băng chuyền, băng tải (bất kể chúng được tăng cường bằng kim loại hoặc vật chất khác hay không), - Sản xuất vải lót máy móc, - Sản xuất vải quần áo dễ co giãn, - Sản xuất vải dùng vẽ tranh sơn dầu và vải vẽ kỹ thuật, - Sản xuất dây giày, - Sản xuất bông đánh phấn và găng tay, - May bao đựng gạo, vest sỏ quần áo.	1399
49.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
50.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
51.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
52.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
53.	Sản xuất giày, dép	1520
54.	Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su	2211
55.	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su	2219
56.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
57.	Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh	2310

58.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
59.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
60.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
61.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
62.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
63.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
64.	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Sản xuất bột đá, đá mài hoặc đá đánh bóng và các sản phẩm tự nhiên, nhân tạo bao gồm sản phẩm kết dính trên nền xốp (ví dụ giấy cát); - Sản xuất sợi và tấm dệt khoáng phi kim loại, quần áo, mũ, giày dép, giấy, dây bện, dây thừng... - Sản xuất các nguyên liệu mài và các đồ không lắp khung của các sản phẩm đó với nguyên liệu khoáng hoặc xen lu lô; - Sản xuất vật liệu cách điện khoáng sản như: Sản xuất len xỉ, len đá, len khoáng sản tương tự, chất khoáng bón cây, đất sét và các nguyên liệu cách âm, cách nhiệt, thẩm âm; - Sản xuất các sản phẩm từ khoáng khác như: Mica và các sản phẩm từ mica, than bùn, than chì (không phải sản phẩm điện); - Sản xuất các sản phẩm từ asphalt và nguyên liệu tương tự, ví dụ chất dính asphalt, xỉ than; - Sợi các bon và graphit và các sản phẩm từ sợi các bon (trừ các thiết bị điện).	2399
65.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
66.	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu	2420
67.	Đúc sắt, thép	2431
68.	Đúc kim loại màu	2432
69.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
70.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
71.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
72.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
73.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
74.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
75.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ hàng may mặc đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4774
76.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782

77.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ Chi tiết: Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng lưu động hoặc tại chợ	4784
78.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ Chi tiết: - Bán lẻ hoa tươi, cây cảnh lưu động hoặc tại chợ - Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng lưu động hoặc tại chợ (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4789
79.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4791
80.	Vận tải hành khách đường sắt	4911
81.	Vận tải hàng hóa đường sắt	4912
82.	Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành	4921
83.	Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh	4922
84.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
85.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định - Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô - Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng	4932
86.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
87.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (trừ kinh doanh bất động sản)	5210
88.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
89.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
90.	Bốc xếp hàng hóa	5224
91.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
92.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Gửi hàng - Logistic - Giao nhận hàng hóa; - Thu, phát các chứng từ vận tải hoặc vận đơn; - Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan;	5229

93.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp không kèm người điều khiển Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng không kèm người điều khiển Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính) không kèm người điều khiển	7730
94.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (trừ hoạt động của trung tâm dịch vụ việc làm)	7810
95.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
96.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước	7830
97.	Hoạt động bảo vệ tư nhân	8010
98.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
99.	Xây dựng nhà để ở	4101(Chính)
100.	Xây dựng nhà không để ở	4102
101.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
102.	Xây dựng công trình điện	4221
103.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
104.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
105.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
106.	Xây dựng công trình thủy	4291
107.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
108.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293

109.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết : - Thi công công tác xây dựng công trình dân dụng; - Thi công công tác xây dựng công trình nhà công nghiệp; - Thi công công tác xây dựng công trình công nghiệp khai thác mỏ và chế biến khoáng sản; - Thi công công tác xây dựng công trình công nghiệp dầu khí; - Thi công công tác xây dựng công trình công nghiệp năng lượng; - Thi công công tác xây dựng công trình sản xuất vật liệu xây dựng, sản phẩm xây dựng; - Thi công công tác xây dựng công trình luyện kim và cơ khí chế tạo; - Thi công công tác xây dựng công trình dầu khí; - Thi công công tác xây dựng công trình hóa chất; - Thi công công tác xây dựng công trình công nghiệp nhẹ; - Thi công công tác xây dựng công trình giao thông, gồm: Đường bộ, Đường sắt, Cầu - hầm, Đường thủy nội địa- hàng hải, Hàng không, Tuyến cáp treo và nhà ga để vận chuyển người và hàng hóa, Cảng cạn, Các công trình khác (Trạm cân, công, bể, hào, hầm, tuy nèn kỹ thuật và kết cấu khác phục vụ giao thông vận tải); - Thi công công tác xây dựng công trình phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn (thủy lợi, đê điều); - Thi công công tác xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật: Cấp nước; Thoát nước; Xử lý chất thải rắn; Công viên cây xanh, Nghĩa trang, Nhà tang lễ, Cơ sở hỏa táng, Nhà để xe ô tô (ngầm và nổi), sân bãi để xe, máy móc thiết bị; Công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động; Cống, bể, hào, hầm, tuy nèn kỹ thuật và kết cấu khác sử dụng cho cơ sở tiện ích hạ tầng kỹ thuật; - Thi công lắp đặt thiết bị vào công trình; - Thi công công tác xây dựng chuyên biệt (Cọc; gia cố, xử lý nền móng, kết cấu công trình; kết cấu ứng suất trước; kết cấu bao che, mặt dựng công trình;...). - Thi công hệ thống thông tin liên lạc, viễn thông vào công trình;	4299
110.	Phá dỡ (không gồm dịch vụ nổ mìn; hoạt động rà phá bom, mìn)	4311
111.	Chuẩn bị mặt bằng (không gồm dịch vụ nổ mìn; hoạt động rà phá bom, mìn)	4312
112.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
113.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751

114.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ đồ ngũ kim trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ sơn, màu, véc ni trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ kính xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi, sắt thép và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
115.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
116.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết : - Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ - Bán lẻ hoa tươi, cây cảnh, hạt giống, phân bón, động vật cảnh và thức ăn cho động vật cảnh	4773

6. **Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

7. **Danh sách thành viên góp vốn:**

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	TRẦN DUY KHÁNH	Việt Nam	Cụm 2, Xã Thọ Xuân, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	1.700.000.000	85,000	001098022213	
2	PHẠM THỊ NGÂN	Việt Nam	Cụm 12, Xã Tân Hội, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	300.000.000	15,000	001199032585	

8. **Người đại diện theo pháp luật:**

* Họ và tên: TRẦN DUY KHÁNH

Giới tính: Nam

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 07/10/1998

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001098022213

Ngày cấp: 04/08/2022

Nơi cấp: *Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Cụm 2, Xã Thọ Xuân, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Cụm 2, Xã Thọ Xuân, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội